

CÔNG TY TNHH FURART LAB VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH FURART LAB VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: FURART LAB VIET NAM COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: FURART LAB

2. Mã số doanh nghiệp: 0109415041

3. Ngày thành lập: 16/11/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

79B Thợ Nhuộm, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
2.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
3.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
4.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
5.	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	2310
6.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
7.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
8.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
9.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
10.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
11.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
12.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
13.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
14.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
15.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
16.	Sản xuất đồng hồ	2652
17.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
18.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
19.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
20.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
21.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100

22.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211
23.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	3212
24.	Sản xuất nhạc cụ	3220
25.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
26.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
27.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
28.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
29.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
30.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
31.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
32.	Phá dỡ	4311
33.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
34.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619
35.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
36.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
37.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
38.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
39.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
40.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
41.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
42.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
43.	Điều hành tua du lịch	7912
44.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;	8299
45.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
46.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
47.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
48.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
49.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
50.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
51.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
52.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
53.	Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu	9529
54.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
55.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730

56.	Cho thuê xe có động cơ	7710
57.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
58.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
59.	In ấn	1811
60.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
61.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
62.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
63.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
64.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
65.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
66.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213
67.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
68.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội	7221
69.	Quảng cáo	7310
70.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
71.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
72.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
73.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
74.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
75.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
76.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
77.	Đại lý du lịch	7911
78.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
79.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
80.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
81.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
82.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
83.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
84.	Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu	9639
85.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013

86.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu (không bao gồm sản xuất các loại bột thuốc nổ; sản xuất các sản phẩm pháo hoa, chất nổ, bao gồm ngòi nổ, pháo sáng)	2029
87.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
88.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ, đồ thờ cúng và hàng hóa phục vụ mục đích tín ngưỡng khác; - Bán lẻ tranh, tượng và các tác phẩm nghệ thuật khác mang tính thương mại; - Bán lẻ đồng hồ và đồ trang sức; - Bán lẻ hoa tươi, cây cảnh, hạt giống, phân bón, động vật cảnh và thức ăn cho động vật cảnh;	4773(Chính)
89.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất vải dùng vẽ tranh sơn dầu và vải vẽ kỹ thuật,	1399

90.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện Chi tiết: - Sản xuất các sản phẩm gỗ khác nhau, cụ thể: + Cán, tay cầm của dụng cụ, cán chổi, cán bàn chải, + Khuôn và nòng giày hoặc ủng, mắc áo, + Đồ dùng gia đình và đồ dùng nấu bếp bằng gỗ, + Tượng và đồ trang trí bằng gỗ, đồ khảm, trạm hoa văn bằng gỗ, + Hộp, nắp nhỏ đựng đồ trang sức quý và các vật phẩm tương tự bằng gỗ, + Các dụng cụ như ống chỉ, suốt chỉ, ống suốt, cuộn cuộn chỉ, máy khâu ren và các vật phẩm tương tự của guồng quay tơ bằng gỗ, + Các vật phẩm khác bằng gỗ. - Sản xuất củi đun từ gỗ ép hoặc nguyên liệu thay thế như bã cà phê hay đậu nành; - Sản xuất khung gương, khung tranh ảnh bằng gỗ; - Sản xuất khung tranh sơn dầu cho nghệ sỹ; - Sản xuất bộ phận giày bằng gỗ (như gót giày và cốt giày); - Sản xuất cán ô, ba toong và đồ tương tự; - Sản xuất bộ phận dùng trong sản xuất tẩu thuốc lá; - Tranh khắc bằng gỗ. - Chế biến bắc tự nhiên và các sản phẩm từ bắc ép; - Sản xuất các sản phẩm từ bắc tự nhiên hoặc bắc ép, bao gồm tấm phủ sàn; - Sản xuất dây bện, sản phẩm tết bện như thảm chùi chân, chiếu, thùng, hộp và tấm chắn; - Sản xuất đồ giỏ bằng liễu gai và các đồ bằng bắc. - Sản xuất đồ lưu niệm như tranh, gạt tàn thuốc, hoa... làm bằng tre.	1629
91.	Hoạt động nhiếp ảnh	7420
92.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí	9000
93.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
94.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
95.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nhân văn Chi tiết: Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực nghệ thuật;	7222

96.	Dịch vụ liên quan đến in Chi tiết: - Các sản phẩm nghệ thuật bao gồm in thạch bản và mộc bản (phiến gỗ để làm các bản khắc); - Sản xuất các sản phẩm sao chụp; - Thiết kế các sản phẩm in như bản phác thảo, maket, bản nháp; - Các hoạt động đồ họa khác như khắc rập khuôn, rập khuôn tem, in nổi, in dùi lỗ, chạm nổi, quét dầu và dát mỏng, kiểm tra thứ tự và sắp xếp. - Dịch vụ làm đĩa bao gồm sắp hình ảnh và sắp đĩa (để in ốp-sét và in sắp chữ); - Xử lý đĩa trực tiếp sang đĩa (cũng bao gồm đĩa nhựa);	1812
97.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
98.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
99.	Bán buôn tổng hợp	4690
100.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa (không bao gồm hoạt động của các đấu giá viên) - Môi giới mua bán hàng hóa	4610
101.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
102.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
103.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
104.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
105.	Bán buôn đồ uống	4633
106.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
107.	Bán buôn thực phẩm	4632
108.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo	4634
109.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
110.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
111.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
112.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
113.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
114.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
115.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
116.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
117.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742

118.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
119.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
120.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
121.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
122.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
123.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
124.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
125.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
126.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
127.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
128.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
129.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
130.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
131.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ	4785
132.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (không bao gồm hoạt động của các đấu giá viên)	4789
133.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (không bao gồm đấu giá bán lẻ qua Internet)	4791
134.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (không bao gồm đấu giá ngoài cửa hàng (bán lẻ))	4799
135.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (không bao gồm hoạt động của các đấu giá viên)	4774
136.	Sản xuất sợi	1311
137.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
138.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
139.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
140.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
141.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
142.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
143.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410

144.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
145.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
146.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
147.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
148.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
149.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	CHU ANH TUẤN	216 Cầu Giấy, Phường Quan Hoa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	200.000.000	10,000	010997536	
2	NGHIÊM XUÂN HẢI	79B Thợ Nhuộm, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.800.000.000	90,000	001086025301	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGHIÊM XUÂN HẢI

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 10/04/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 001086025301

Ngày cấp: 27/07/2018

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *79B Thợ Nhuộm, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *79B Thợ Nhuộm, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội